

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



TRẦN THỊ KIM DUNG

PHÁP LUẬT VỀ HIỆU LỰC CỦA THỎA THUẬN TRỌNG TÀI

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Vũ Thị Hương**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	1
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Những đóng góp của luận văn	5
7. Kết cấu luận văn.....	5
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ HIỆU LỰC CỦA THỎA THUẬN TRỌNG TÀI.....	5
1.1. Khái quát về hiệu lực của thoả thuận Trọng tài	6
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của trọng tài thương mại.....	6
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm, hậu quả pháp lý của thoả thuận trọng tài.....	6
1.2. Khái quát pháp luật về hiệu lực của thoả thuận trọng tài	8
1.2.1. Khái niệm điều kiện có hiệu lực của Thoả thuận trọng tài	8
1.2.2. Nội dung của pháp luật về điều kiện có hiệu lực của thoả thuận trọng tài .	9
1.2.3. Thẩm quyền và thủ tục xem xét hiệu lực thoả thuận trọng tài.....	11
Kết luận chương 1	13
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HIỆU LỰC CỦA THỎA THUẬN TRỌNG TÀI Ở VIỆT NAM	14
2.1. Thực trạng pháp luật về hiệu lực của thoả thuận trọng tài.....	14
2.1.1 Tranh chấp phát sinh trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của trọng tài .	14
2.1.2. Chủ thể xác lập thoả thuận trọng tài	15
2.1.3. Hình thức của thoả thuận trọng tài.....	16
2.1.4. Các bên tự nguyện xác lập thoả thuận trọng tài.....	16
2.1.5. Nội dung của TTTT không vi phạm điều cấm của pháp luật	17
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hiệu lực của thoả thuận trọng tài ở Việt Nam hiện nay.....	17
2.3. Đánh giá thực trạng và thực tiễn thực hiện pháp luật về hiệu lực của thoả thuận trọng tài.....	18
2.3.1. Ưu điểm.....	18
2.3.2. Hạn chế.....	19
Kết luận chương 2	19

CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HIỆU LỰC CỦA THỎA THUẬN TRỌNG TÀI	20
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài.....	20
3.1.1. Quan điểm, chủ trương của Đảng và nhà nước.....	20
3.1.2. Định hướng.....	20
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài	21
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật.....	21
3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài.....	22
Kết luận chương 3	23
KẾT LUẬN	24
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	24

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Với những ưu thế vượt trội, hữu hiệu của mình, TTTM là cơ chế đang ngày càng được sử dụng nhiều để giải quyết tranh chấp so với các cơ chế khác. Trọng tài được lựa chọn khi có sự thỏa thuận của các bên. Tuy nhiên, một trong những nguyên nhân dẫn đến TTTT không có hiệu lực chính là nhận thức pháp luật của các chủ thể còn hạn chế, dẫn đến trọng tài không thể tham gia giải quyết tranh chấp hoặc tranh chấp bị kéo dài phát sinh nhiều chi phí. Vì vậy, việc xây dựng hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đúng đắn và phù hợp quy định về hiệu lực của TTTT, đảm bảo TTTT không bị vô hiệu là hết sức cần thiết. Kể từ khi PLTTTM năm 2003 ra đời bước đầu dần khẳng định hơn vị trí và vai trò của trọng tài. Đặc biệt kể từ khi Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới WTO, số vụ tranh chấp ngày càng tăng và phức tạp hơn. Lúc này, đòi hỏi một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh hơn có thể giải quyết được những tranh chấp phức tạp này, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế hiện tại. Luật TTTM năm 2010 ra đời sau đó, khắc phục được những hạn chế, bất cập của PLTTTM năm 2003. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật về trọng tài thương mại nước ta vẫn chưa thực sự hoàn chỉnh, đặc biệt là các quy định pháp luật về hiệu lực của TTTT thương mại gây khó khăn không chỉ đối với quá trình giải quyết của của tòa án, các tổ chức trọng tài mà còn trực tiếp ảnh hưởng đến các doanh nghiệp khi tranh chấp phát sinh.

Để bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của các chủ thể và tạo điều kiện để nền kinh tế vận hành theo đúng quỹ đạo vốn có thì những tranh chấp cần được giải quyết kịp thời và đúng đắn.

Nhận thức được vai trò quan trọng trong việc xác định hiệu lực của TTTT, đảm bảo trọng tài có thẩm quyền giải quyết tranh, vì vậy việc nghiên cứu những quy định của pháp luật Việt Nam về hiệu lực của TTTT thương mại, thực tiễn áp dụng, tìm hiểu những tranh chấp thực tế thông qua một số vụ việc cụ thể, so sánh pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về hiệu lực của TTTT, từ đó có thể đưa ra những hạn chế và giải pháp nâng cao hiệu quả của việc áp dụng pháp luật Việt Nam về hiệu lực TTTT là rất cần thiết. Từ những lý do trên, tác giả đã chọn đề tài: “*Hiệu lực của thỏa thuận trọng tài theo pháp luật Việt Nam*” làm đề tài luận văn tốt nghiệp của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Hiện nay, liên quan đến pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài thì có rất nhiều những bài viết và công trình nghiên cứu ở những cấp bậc khác nhau. Điển hình là những công trình nghiên cứu sau đây:

- Vũ Ánh Dương (2010), “*Thực trạng giải quyết tranh chấp tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam*”, Tài liệu Hội thảo “Thực tiễn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và cơ chế thi hành phán quyết trọng tài”, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Dự án DANIDA tổ chức, Hà Nội.

- Tống Thị Lan Hương (2011), “*Pháp luật Việt Nam về thỏa thuận trọng tài thương mại*”, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội; Đặng Thu Hằng, (2014), *Pháp luật về thỏa thuận trọng tài tại Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản của pháp luật về thỏa thuận trọng tài, thực trạng quy định pháp luật về thỏa thuận trọng tài và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam. Từ đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về thỏa thuận trọng tài và nâng cao hiệu quả áp dụng tại Việt Nam.

- Vũ Thị Anh (2016), “*So sánh quy định về thoả thuận trọng tài trong pháp luật Anh, Hoa Kỳ và Luật Mẫu UNCITRAL*”, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh; Nguyễn Phương Linh, (2017), *Thỏa thuận trọng tài vô hiệu theo pháp luật trọng tài thương mại ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học - Xã hội, Viện hàn lâm Khoa học - Xã hội Việt Nam. Luận văn tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận về thỏa thuận trọng tài vô hiệu theo pháp luật trọng tài Việt Nam. Nghiên cứu, phân tích các quy định của pháp luật, và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật.

Lê Thanh Long (2018) “*giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài vụ việc theo quy định của pháp luật Việt Nam*, Trường đại học Luật – Đại học Huế; Trương Thị Thu Hà (2018), “*Hiệu lực của thoả thuận trọng tài theo pháp luật Trọng tài thương mại ở Việt Nam hiện nay*”, Luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học - Xã hội, Viện hàn lâm Khoa học - Xã hội Việt Nam. Luận văn Làm rõ vấn đề lý luận về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài nói chung và theo pháp luật Việt Nam nói riêng; Nêu những bất cập trong hoạt động giải quyết tranh chấp trọng tài cũng như thực trạng áp dụng pháp luật liên quan đến hiệu lực của thỏa thuận trọng tài ở Việt Nam; Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hiệu lực của thỏa thuận trọng tài theo pháp luật Việt Nam.

- *Sách chuyên khảo*: PGS.TS Đỗ Văn đại (2010), “*Pháp luật Trọng tài thương mại Việt Nam Bản án và bình luận*”, Nxb Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam; Trần Minh Ngọc (2019), “*Pháp Luật về Trọng tài thương mại*”, Nxb Lao động. Hai cuốn sách phân tích các quy định của pháp luật về TTTM, nghiên cứu

tình huống thực tiễn và đưa ra các bình luận, quan điểm của các tác giả về các vấn đề hạn chế của pháp luật.

Ngoài ra phải kể đến rất nhiều bài viết trên các tạp chí có liên quan đến đề tài luận văn

Trên đây là một số công trình nghiên cứu liên quan, đề cập đến TTTM nói chung và hiệu lực của TTTT nói riêng được nghiên cứu trên nhiều khía cạnh khác nhau. Ngoài ra, còn nhiều công trình nghiên cứu quan đến đề tài trên mà tác giả chưa thể thống kê hết.

Qua nghiên cứu các bài viết trên cho thấy, các tác giả đã khái quát, phân tích về tính chất hoạt động của trọng tài, quá trình tổ tụng trọng tài, nhìn nhận và đánh giá được vai trò, tính chất của TTTM, cũng như vấn đề về TTTT. Một số công trình đã chỉ ra được các bất cập của pháp luật và thực tiễn để đề xuất các giải pháp chung hoàn thiện pháp luật. Tuy nhiên, các công trình nêu trên đã nghiên cứu nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng hiệu lực của thỏa thuận trọng tài, ít công trình so sánh các quy định pháp luật của Việt Nam với pháp luật quốc tế để có thể hoàn thiện về hiệu lực của TTTT. Mặc dù, pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài không phải là đề tài quá mới mẻ nhưng vẫn còn “khoảng trống” cho tác giả có thể khai thác và nghiên cứu. Vì vậy, đề tài kế thừa một số kết quả nghiên cứu như sau:

Kế thừa các vấn đề về mặt lý luận như khái niệm về Trọng tài thương mại; khái niệm về hiệu lực của trọng tài thương mại; điều kiện có hiệu lực của trọng tài thương mại.

Tham khảo đánh giá, quan điểm của các tác giả về mặt thực tiễn thực hiện về hiệu lực thỏa thuận của trọng tài tại Việt Nam.

Đề tài tiếp tục nghiên cứu, làm rõ các quy định pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài. Phân tích và đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài tại Việt Nam. Từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài trong giai đoạn hiện nay.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

3.1. Mục đích của đề tài

Mục đích nghiên cứu của đề tài là nhằm đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hiệu lực thỏa thuận của trọng tài trên cơ sở các lý luận pháp luật, đánh giá các quy định pháp luật và thực tiễn thực hiện.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu trên, luận văn tập trung nghiên cứu các vấn đề như sau:

- Hệ thống hóa một số lý luận về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài;
- Phân tích đánh giá những quy định của pháp luật về bảo đảm hiệu lực của TTTT, phân tích và đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật điều chỉnh hiệu lực của TTTT trên phương diện thực tiễn;
- Chỉ ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

4.1. Đối tượng của đề tài

- Nghiên cứu các quy định của pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài qua nghiên cứu các văn bản pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế như Luật Trọng tài thương mại 2010; Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Pháp lệnh trọng tài thương mại 2003; Luật mẫu UNCITRAL; Công ước New York 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài và pháp luật một số quốc gia,...

- Nghiên cứu về thực tiễn thực hiện pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài qua việc tiếp nhận và giải quyết các vụ việc liên quan đến hiệu lực của thỏa thuận trọng tài tại VIAC.

4.2. Phạm vi nghiên cứu đề tài

- Về không gian nghiên cứu: Pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài
- Về thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu các quy định pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài từ năm 2014- 2021.
- Về địa bàn nghiên cứu: Cả nước

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận: Các vấn đề khoa học của đề tài được giải quyết theo phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử

Phương pháp nghiên cứu:

Phương pháp phân tích, tổng hợp: nhằm làm sáng tỏ vấn đề lý luận cơ bản về hiệu lực của TTTT, làm rõ hạn chế, chông chéo của thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật Việt Nam hiệu lực của TTTT. Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt trong luận văn.

Phương pháp thống kê được sử dụng nhằm thống kê các văn bản pháp luật điều chỉnh về hiệu lực của TTTT. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu ở cả chương 1 và chương 2 của luận văn.

Phương pháp so sánh được sử dụng để so sánh quy định của pháp luật Việt Nam với Điều ước quốc tế và luật nước ngoài để có cơ sở đánh giá và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về hiệu lực của TTTT.

Phương pháp bình luận: phương pháp bình luận, đánh giá được sử dụng để bày tỏ ý kiến, quan điểm cá nhân; đánh giá các vấn đề pháp lý và thực tiễn phát sinh mà tác giả đã viện dẫn trong luận văn để từ đó làm rõ các bất cập, hạn chế của pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hiệu lực của thoả thuận trọng tài.

Phương pháp điều tra xã hội học: Phương pháp này được sử dụng để điều tra nhu cầu sử dụng trọng tài thương mại của các doanh nghiệp, các chủ thể khác có liên quan cũng như hiểu biết của các bên về thoả thuận trọng tài thông qua các bảng hỏi từ đó đánh giá được thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật.

6. Những đóng góp của luận văn

Về lí luận: Luận văn làm rõ các khái niệm về hiệu lực thoả thuận của trọng tài, về điều kiện có hiệu lực và hậu quả pháp lý khi hiệu lực của thoả thuận trọng tài vô hiệu. Đưa ra các giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện về hiệu lực của thoả thuận trọng tài để hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan.

Về thực tiễn: Chỉ ra những ưu điểm của pháp luật Việt Nam về hiệu lực của thoả thuận trọng tài, những vướng mắc về hiệu lực của thoả thuận trọng tài từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hiệu lực của thoả thuận trọng tài.

7. Kết cấu luận văn

Luận văn ngoài phần mở đầu và phần kết luận, danh mục tài liệu tham khảo còn được chia thành 3 chương với nội dung như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về hiệu lực của thoả thuận trọng tài.

Chương 2. Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hiệu lực của thoả thuận trọng tài tại Việt Nam.

Chương 3. Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hiệu lực của thoả thuận trọng tài.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ HIỆU LỰC CỦA THỎA THUẬN TRỌNG TÀI

1.1. Khái quát về hiệu lực của thoả thuận Trọng tài

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của trọng tài thương mại

1.1.1.1. Khái niệm

Trọng tài đã trở thành phương thức giải quyết tranh chấp phổ biến và hiện tại là phương thức bắt buộc phải thi hành và ràng buộc về trách nhiệm pháp lý duy nhất có thể thay thế tòa án.

TTTM được hiểu đó là trọng tài là một hình thức tài phán mà quyền lực của nó được tạo nên bởi chính các bên trong quan hệ tranh chấp thương mại, do các bên thỏa thuận, trong đó các bên đồng ý rằng một bên thứ ba trung lập (Trọng tài viên hoặc Hội đồng trọng tài) tham gia giải quyết tranh chấp.

1.1.1.2. Đặc điểm

Trọng tài có một số đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, TTTM là một loại hình tổ chức phi chính phủ, không phải là cơ quan nằm trong bộ máy nhà nước và không thực hiện chức năng, quyền hạn là cơ quan xét xử của Nhà nước.

Thứ hai, cơ chế giải quyết tranh chấp bằng TTTM là sự kết hợp giữa hai yếu tố đó là yếu tố thỏa thuận và tài phán.

Thứ ba, phán quyết của trọng có giá trị chung thẩm và không thể kháng cáo, kháng nghị trước bất cứ cơ quan, tổ chức nào và phán quyết của trọng tài là chung thẩm nên tranh chấp đã được giải quyết thì sẽ không được xem xét lại bởi bất kỳ một tổ chức hoặc cơ quan xét xử nào khác (trừ trường hợp hủy phán quyết trọng tài theo quy định pháp luật).

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm, hậu quả pháp lý của thoả thuận trọng tài

1.1.2.1. Khái niệm thoả thuận trọng tài

Đề tranh chấp phát sinh được giải quyết bằng trọng tài bắt buộc các bên tranh chấp phải có TTTT. Chính vì vậy, thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là nền móng đầu tiên của tổ tụng TTTM. TTTT thể hiện ý chí, nguyện vọng, thể hiện quyền tự do của các bên trong việc giải quyết tranh chấp.

Công ước New York quy định rõ sẽ công nhận thỏa thuận bằng văn bản khi các bên cam kết trọng tài là cơ quan xét xử, nếu có TTTT thì mới đảm bảo được việc công nhận tính hiệu lực của phán quyết trọng tài.

Theo pháp luật Việt Nam, TTTT quy định tại Luật TTTM năm 2010 khoản 2 điều 3 định nghĩa: “Thỏa thuận trọng tài là thỏa thuận giữa các bên về việc giải quyết bằng trọng tài tranh chấp có thể phát sinh hoặc đã phát sinh”. Theo đó, TTTT được hiểu là một thỏa thuận bằng văn bản, đó các bên tham gia ký kết nhất trí, đồng thuận đưa một số hoặc tất cả các tranh chấp đã, đang hoặc sẽ có

thể phát sinh từ hoạt động giao dịch, kinh doanh thương mại ra giải quyết bằng con đường trọng tài.

1.1.2.2. Đặc điểm của thoả thuận trọng tài

Thứ nhất, đặc điểm của thoả thuận trọng tài thể hiện ở chỗ các bên thoả thuận chịu sự ràng buộc đối với thoả thuận, không có quyền tự tiện từ bỏ việc chuyên tranh chấp ra trọng tài để giải quyết.

Thứ hai, TTTT là một bộ phận cấu thành của hợp đồng nhưng có tính độc lập về mặt pháp lý. Hiệu lực của thoả thuận trọng tài độc lập với hiệu lực của hợp đồng. Khi hợp đồng được thay đổi nội dung, gia hạn hay vô hiệu từng phần, thậm chí vô hiệu toàn bộ thì thoả thuận trọng tài vẫn có hiệu lực đối với các bên đương sự trong việc giải quyết các vấn đề thuộc nội dung của hợp đồng.¹

Theo quy định điều 19 Luật TTTM năm 2010 quy định: “*Thỏa thuận trọng tài hoàn toàn độc lập với hợp đồng. Việc thay đổi, gia hạn, hủy bỏ hợp đồng, hợp đồng vô hiệu không thể thực hiện được không làm mất hiệu lực của thỏa thuận trọng tài*”.

Tính độc lập của TTTT có nghĩa là hiệu lực điều khoản TTTT sẽ hoàn toàn độc lập với hợp đồng chính, vẫn tồn tại cho dù hợp đồng chính có sự thay đổi, gia hạn, hủy bỏ, chấm dứt.

1.1.2.3. Hậu quả pháp lý của thoả thuận trọng tài vô hiệu

Một giao dịch dân sự vô hiệu là một giao dịch không được pháp luật thừa nhận, chính vì vậy nó sẽ làm phát sinh các hậu quả pháp lý nhất định. TTTT vô hiệu cũng vậy, TTTT vô hiệu thì sẽ cũng có phát sinh hậu quả pháp lý.

Tùy từng giai đoạn của quá trình giải quyết tranh chấp mà việc TTTT bị vô hiệu có thể dẫn đến những hậu quả pháp pháp lý khác nhau:

- Hậu quả pháp lý của TTTT vô hiệu trong giai đoạn xem xét thụ lý đơn kiện.
- Giai đoạn Hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp

¹ Học thuyết về tính độc lập của điều khoản trọng tài bắt nguồn vào những năm đầu thế kỷ XX, trong đó một vụ việc tiêu biểu đánh dấu sự công nhận dành cho học thuyết này là vụ Harbour v Kansa xảy ra vào năm 1940, trước cả khi Đạo luật Trọng tài của Anh (Arbitration Act 1996) ra đời. Trong vụ việc này, toà phúc thẩm Anh đã công nhận rằng TTTT vẫn có hiệu lực cho dù hợp đồng là bất hợp pháp ngay từ đầu. Giải thích cho điều này, toà cho rằng khi không thể đạt được mục đích của hợp đồng, thì hợp đồng sẽ bị vô hiệu và từ đó giải thoát các bên khỏi nghĩa vụ hợp đồng, tuy nhiên điều khoản trọng tài lại không được coi là một mục đích của hợp đồng, vậy nên hiệu lực của đó sẽ không bị ảnh hưởng. Từ sau đó, học thuyết này đã được pháp điển hoá, trở thành một điều luật trong Đạo luật Trọng tài năm 1996 của Anh, và được ghi nhận rộng rãi trên thế giới

<https://www.viac.vn/thu-tuc-trong-tai/tinh-doc-lap-cua-thoa-thuan-trong-tai-a57.html#:~:text=T%C3%ADnh%20C4%91%E1%BB%99c%20%E1%BA%ADp%20c%E1%BB%A7a%20t%E1%BB%8Fa%20thu%E1%BA%ADn%20tr%E1%BB%8Dng%20t%C3%A0i%20C3%A0%20C4%91%E1%BB%83,h%C3%ACnh%20th%E1%BB%A9c%20gi%E1%BA%A3i%20quy%E1%BA%Bft%20tranh,>

Truy cập ngày 29/01/2022

Trong quá trình hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp phát hiện TTTT vô hiệu thì trọng tài ra quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp.

- Khi có khiếu nại quyết định của hội đồng trọng tài về việc thỏa thuận trọng tài vô hiệu, trong trường hợp Tòa án quyết định vụ án tranh chấp không thuộc thẩm quyền của hội đồng trọng tài.

- Giai đoạn hội đồng trọng tài đã ra phán quyết

Tòa án sẽ không công nhận phán quyết của trọng tài nước ngoài khi xét thấy chứng cứ do bên phải thi hành cung cấp cho tòa án để phản đối yêu cầu công nhận là có căn cứ, hợp pháp và phán quyết trọng tài thuộc trường hợp TTTT không có hiệu lực.

1.2. Khái quát pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài

1.2.1. Khái niệm điều kiện có hiệu lực của Thỏa thuận trọng tài

Quy định về các điều kiện của TTTT là căn cứ, bằng chứng cho thấy sự tự nguyện, ý chí của các bên trong lựa chọn trọng tài là cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Trọng tài, với tư cách là một thiết chế tài phán tư, luôn tôn trọng sự tự nguyện của các bên tranh chấp và TTTT chính là biểu hiện đầu tiên của sự tự nguyện thỏa thuận đó.

Thứ nhất, điều kiện về năng lực chủ thể: người tham gia kí kết thỏa thuận trọng tài phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Có thể nói năng lực chủ thể là vấn đề đầu tiên mà các bên cần quan tâm khi tiến hành đàm phán thỏa thuận trọng tài vì nếu một bên không có năng lực chủ thể sẽ khiến điều khoản này vô hiệu.

Thứ hai, điều kiện về thẩm quyền của trọng tài: mặc dù phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài có nhiều ưu điểm và ngày càng đóng vai trò quan trọng nhưng không phải mọi tranh chấp đều có thể giải quyết được bằng trọng tài, ngay cả khi giữa các bên tranh chấp thỏa mãn điều kiện về sự tự nguyện. Đó là khi pháp luật nơi diễn ra trọng tài không cho phép giải quyết loại tranh chấp đó thông qua hình thức trọng tài.

Thứ ba, về điều kiện ý chí tự nguyện của chủ thể: dựa trên cơ sở thống nhất ý chí, các bên thỏa thuận về các yếu tố liên quan đến quá trình giải quyết tranh chấp: tổ chức trọng tài, hình thức trọng tài, ngôn ngữ, địa điểm và các nội dung khác phù hợp với lợi ích của các bên. “Thỏa thuận trọng tài sẽ không có giá trị pháp lý nếu nó không phải là kết quả của sự thống nhất ý chí giữa các chủ thể hoặc là sự áp đặt ý chí của bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào”.

Thứ tư, điều kiện về hình thức của thỏa thuận trọng tài: đây là một điều kiện cơ bản của thỏa thuận trọng tài, nó là sự thể hiện ra bên ngoài sự thống nhất ý chí của các bên tham gia quan hệ thương mại. Luật trọng tài 2010 nước ta quy

định thỏa thuận trọng tài phải được thể hiện dưới dạng văn bản, nó tạo ra sự tin tưởng giữa các bên, đồng thời là cơ sở ràng buộc trách nhiệm của các bên khi tranh chấp

1.2.2. Nội dung của pháp luật về điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài

1.2.2.1. Tranh chấp phát sinh trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của trọng tài

Theo pháp luật và thực tiễn trọng tài của các nước, Trọng tài chỉ có thẩm quyền xét xử khi các bên đương sự thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Thỏa thuận đưa tranh chấp ra trọng tài để giải quyết là quyền tự do của các đương sự. Nếu các đương sự không thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thì tranh chấp phải được giải quyết bằng Toà án. Đây là vấn đề hiện nay đã có ý kiến hoàn toàn thống nhất trong giới luật gia ở tất cả các nước trên thế giới.

Pháp luật TTTM Việt Nam quy định, TTTM có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong các trường hợp sau: “Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại; Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại; Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng Trọng tài”.

Luật mỗi quốc gia có các quy định riêng về thẩm quyền của TTTM, chính vì vậy, tranh chấp giữa các bên phải phát sinh trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của trọng tài thì trọng tài mới có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

1.2.2.2. Chủ thể xác lập thỏa thuận trọng tài

Nội dung của TTTT các bên có quyền tự do thỏa thuận nội dung nhưng những nội dung này không được vi phạm điều cấm của pháp luật. Thường thì nội dung của TTTT là việc xác định cách thức, trình tự, thủ tục, thẩm quyền và trách nhiệm của các bên liên quan khi cần giải quyết những tranh chấp phát sinh liên quan đến hợp đồng chính, thỏa thuận các điều khoản cơ bản như: thỏa thuận lựa chọn hình thức trọng tài, cách thức chỉ định trọng tài viên, địa điểm giải quyết tranh chấp, ngôn ngữ trọng tài, quy tắc tổ tụng trọng tài, thỏa thuận lựa chọn luật áp dụng..... Việc xác lập nội dung các điều khoản trong TTTT phụ thuộc vào sự tự nguyện thỏa thuận của các bên mà không chịu sự can thiệp của pháp luật. Một TTTT chỉ có giá trị pháp lý khi đáp ứng được những yêu cầu của pháp luật về mặt nội dung.

Chủ thể xác lập TTTT phải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự.

+ Hiệu lực của Thỏa thuận trọng tài khi có sự thay đổi của một bên

Xuất phát từ nguyên tắc của các TTTT là tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận, bên cạnh các quy định về nội dung TTTT, cũng cần có cơ chế đảm bảo hiệu lực của TTTT, các bên cũng nên coi trọng quy định về thực hiện TTTT khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản bởi vì sau khi TTTT được xác lập, có thể xảy ra những thay đổi lớn liên quan một bên, vì vậy, cần phải xem xét hiệu lực của TTTT trong các trường hợp như thế này.

Vì vậy việc dự liệu trường hợp một trong các bên do có sự thay đổi của hoàn cảnh đảm bảo không xảy ra trường hợp làm cho thể thỏa thuận không có hiệu lực có ý nghĩa hết sức cần thiết, giúp cho một trong các bên tranh chấp hoặc các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình giải quyết tranh chấp giữa các bên có thể dễ dàng căn cứ vào quy định này để giải quyết trong những trường hợp như thế này.

1.2.2.3. Hình thức của thỏa thuận trọng tài

Hình thức là sự thể hiện bên ngoài ý chí thống nhất của các bên tham gia quan hệ kinh doanh thương mại và là bằng chứng hiện hữu của thỏa thuận trọng tài. Hình thức thỏa thuận trọng tài là một trong những điều kiện để bảo đảm thỏa thuận trọng tài không bị vô hiệu nên hình thức thỏa thuận trọng tài dù ở dạng là một điều khoản trong hợp đồng hay thỏa thuận riêng biệt thì buộc phải tuân thủ theo đúng qui định pháp luật.²

Luật mẫu về trọng tài thương mại quốc tế do uỷ ban của Liên hợp quốc về Luật Thương mại quốc tế thông qua năm 1985, các bên đương sự có thể xây dựng thỏa thuận trọng tài thành một điều khoản trong hợp đồng hoặc làm- thành phụ lục kèm theo hợp đồng, thậm chí được thể hiện dưới hình thức trao đổi (hư từ, telex, telegram hoặc các hình thức trao đổi viễn thông khác, hoặc trao đổi thông qua đơn kiện và bản tự bào chữa trong đó tồn tại thỏa thuận do một bên đưa ra mà bên kia không từ chối. Thỏa thuận Trọng tài có thể được lập khi ký hợp đồng hoặc sau khi ký hợp đồng, thậm chí trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp.

Công ước New York quy định hình thức của TTTT: hình thức của TTTT yêu cầu bắt buộc phải được xác lập dưới hình thức văn bản. “Thỏa thuận bằng văn bản” bao gồm TTTT được quy định trong một điều khoản trọng tài của hợp đồng hoặc xác lập một TTTT trong một hợp đồng riêng được các bên ký kết hoặc được quy định trong thư tín trao đổi.

² Trương Thị Thu Hà (2018), Hiệu lực của thỏa thuận trọng tài theo pháp luật trọng tài Việt Nam hiện nay, Luận văn thạc sỹ, Học Viện Khoa học Xã hội, tr16.

Cách thức xác lập Thỏa thuận trọng tài thương mại

Theo quy định tại khoản điều 16 Luật TTTM năm 2010 quy định: “*Thỏa thuận trọng tài có thể được xác lập dưới hình thức điều khoản trọng tài trong hợp đồng hoặc dưới hình thức thỏa thuận riêng*”. Điểm chung của cả hai cách thức xác lập này là đều phải xác lập dưới dạng văn bản.

TTTT được xác lập dưới hình thức điều khoản trọng tài trong hợp đồng: điều khoản trọng tài là loại thỏa thuận thông dụng nhất.

TTTT được xác lập dưới hình thức TTTT riêng biệt: các bên kí kết hợp đồng ghi nhận TTTT sẽ nằm hoàn toàn tách biệt với hợp đồng, được xác lập dưới dạng văn bản.

Hiện nay cả hai hình thức trên đều được pháp luật trọng tài các nước công nhận và quy định. Ở nước ta hiện nay thì pháp luật chưa có sự phân định rõ ràng về hai hình thức này mà cho phép công nhận TTTT dưới mọi hình thức văn bản có sự thể hiện sự đồng thuận ý chí của các bên.

1.2.2.4. Sự tự nguyện (Tự do ý chí trong thỏa thuận trọng tài)

Thỏa thuận trọng tài là yếu tố tiên quyết để hình thành việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Bản chất của thỏa thuận trọng tài chính là hợp đồng bởi nó thể hiện sự thống nhất ý chí, sự tự nguyện và đồng thuận của các bên tham gia tranh chấp nhằm xác lập thỏa thuận trọng tài.

Vấn đề cần đặt ra là để thỏa thuận này có giá trị pháp lý hay nói đúng hơn là có hiệu lực pháp luật thì phải chính là kết quả của sự thống nhất ý chí giữa các chủ thể chứ không là ý chí chủ quan của một bên hay các bên bị áp đặt ý chí bởi bất kì cơ quan, tổ chức, cá nhân nào. Mọi trường hợp thỏa thuận trọng tài được xác lập trên sự lừa dối hoặc đe dọa, cưỡng ép ... thì thỏa thuận đó không có hiệu lực.

1.2.2.5. Nội dung của thỏa thuận trọng tài

Nội dung của TTTT các bên có quyền tự do thỏa thuận nội dung nhưng những nội dung này không được vi phạm điều cấm của pháp luật. Một TTTT chỉ có giá trị pháp lý khi đáp ứng được những yêu cầu của pháp luật về mặt nội dung.

1.2.3. Thẩm quyền và thủ tục xem xét hiệu lực thỏa thuận trọng tài

Cơ quan có thẩm quyền xem xét hiệu lực của TTTT theo quy định của pháp luật Việt Nam đó là hội đồng trọng tài và tòa án.

- Thẩm quyền của hội đồng trọng tài do các bên thành lập xem xét hiệu lực của TTTT

Tại khoản 1 Điều 43 Luật TTTM năm 2010 về Xem xét TTTT vô hiệu, TTTT không thể thực hiện được.

Quy định này bắt buộc hội đồng trọng tài phải xem xét hiệu lực của TTTT trước khi giải quyết phần nội dung của tranh chấp. Việc xem xét về hiệu lực của TTTT mà không cần phải có đơn khiếu nại của các bên. Như vậy, khác với tố tụng tòa án, điều đầu tiên của hội đồng trọng tài xem xét hiệu lực của TTTT để việc thụ lý đơn kiện chứ không phải xem xét nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn. Nếu TTTT đáp ứng điều kiện về hiệu lực, khả năng thực hiện thì vụ kiện được thụ lý.

- Thẩm quyền của tòa án trong việc xem xét hiệu lực của TTTT

Tại khoản 1, khoản 6 Điều 44 Luật TTTM năm 2010 về khiếu nại và giải quyết khiếu nại quyết định của hội đồng trọng tài về việc không có TTTT, TTTT không thể thực hiện được.

Trong quy định này, tòa án có thẩm quyền giải quyết khiếu nại quyết định của hội đồng trọng tài về việc TTTT vô hiệu. Khi xét thấy quyết định của hội đồng trọng tài về xem xét hiệu lực của TTTT còn bất cập thì các bên có quyền yêu cầu tòa án xem xét lại quyết định này. Trong trường hợp này tòa án đã có quyền xem xét lại hiệu lực của TTTT.

Kết luận chương 1

Trọng tài được lựa chọn khi có sự thỏa thuận của các bên. Tuy nhiên, một trong những nguyên nhân dẫn đến TTTT không có hiệu lực chính là nhận thức pháp luật của các chủ thể còn hạn chế, dẫn đến trọng tài không thể tham gia giải quyết tranh chấp hoặc tranh chấp bị kéo dài phát sinh nhiều chi phí. Vì vậy, việc xây dựng hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đúng đắn và phù hợp quy định về hiệu lực của TTTT, đảm bảo TTTT không bị vô hiệu là hết sức cần thiết.

Vì vậy, để nghiên cứu hiệu lực của TTTT không thể tách rời việc nghiên cứu lý luận như khái niệm TTTM, đặc điểm của TTTM, đến việc nghiên cứu và tìm hiểu khái niệm TTTT “Thỏa thuận trọng tài là thỏa thuận giữa các bên về việc giải quyết bằng trọng tài tranh chấp có thể phát sinh hoặc đã phát sinh” để chỉ ra đặc điểm của TTTT.

Nghiên cứu nội dung sơ lược của hiệu lực của TTTT về thẩm quyền của TTTM, Chủ thể xác lập thỏa thuận trọng tài; Hình thức của thỏa thuận trọng tài; Sự tự nguyện (Tự do ý chí trong thỏa thuận trọng tài) Nội dung của thỏa thuận trọng tài. Từ đó, làm cơ sở để chỉ ra những bất cập của pháp luật về TTTT và các bất cập từ thực tiễn ở chương 2.

CHƯƠNG 2.

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HIỆU LỰC CỦA THỎA THUẬN TRỌNG TÀI Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài

2.1.1 Tranh chấp phát sinh trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của trọng tài

Phạm vi thẩm quyền giải quyết của Trọng tài được quy định tại Điều 2 của Luật TTTM. Thẩm quyền của trọng tài theo Luật TTTM đã được mở rộng tới nhiều loại tranh chấp liên quan đến quyền và lợi ích của các bên, ngoài việc có thẩm quyền đối với các tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại, luật để mở khả năng trọng tài có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp không phát sinh từ hoạt động thương mại nhưng được pháp luật có liên quan quy định. Việc mở rộng thẩm quyền này của TTTM là hoàn toàn hợp lý, phù hợp với thực tế khi các hoạt động xảy ra tranh chấp càng nhiều và nhu cầu sử dụng phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài ngày càng tăng, bảo đảm sự tương thích giữa các văn bản pháp luật hiện hành như BLDS, BLTTDS, Luật Thương mại, Luật Đầu tư,...

Pháp luật TTTM Việt Nam quy định các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết tranh chấp thành ba nhóm, cụ thể như sau:

Thứ nhất tranh chấp giữa các bên phát sinh phát sinh từ hoạt động thương mại

Thứ hai, tranh chấp giữa các bên trong đó có ít nhất một bên có hoạt động thương mại

Thứ ba tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng trọng tài.

Thực tế cũng cho thấy, Luật Trọng tài Thương mại hiện hành vẫn đang tồn tại những bất cập, hạn chế về thẩm quyền giải quyết tranh chấp, ảnh hưởng đến quyền tự định đoạt của các bên. Bởi vậy, cần phải chủ động mở rộng phạm vi thẩm quyền giải quyết tranh chấp cho phù hợp với thực tế, đảm bảo phán quyết trọng tài có tính khả thi cao trong thời gian tới.³

³ Đỗ Văn Đại, Bàn về thẩm quyền của trọng tài Thương mại <https://stac.com.vn/da-duyet-ban-ve-tham-quyen-cua-trong-tai-thuong-mai/> truy cập ngày 31/1/2022.

2.1.2. Chủ thể xác lập thỏa thuận trọng tài

a. Chủ thể xác lập thỏa thuận trọng tài có năng lực chủ thể

Quyền tự do giao kết, xác lập TTTT luôn được Nhà nước và pháp luật thừa nhận cũng như bảo hộ cho các chủ thể. Tuy vậy, khi các chủ thể xác lập TTTT cần tuân theo các quy định của pháp luật, yêu cầu pháp lý mà các bên chủ thể phải tuân thủ, một trong những yêu cầu đầu tiên cần quan tâm là về điều kiện năng lực chủ thể của các bên. Chỉ những TTTT đảm bảo năng lực chủ thể hợp pháp mới góp phần đảm bảo được hiệu lực của TTTT. Đối với mỗi loại chủ thể thì nội dung pháp lý điều chỉnh lại có những quy định khác nhau phù hợp đặc điểm, tính chất của từng loại chủ thể.

Mặc dù, pháp luật nước ngoài hay các ĐUQT quy định về TTTM có cách diễn đạt khác nhau nhưng có thể thấy quy định này của pháp luật Việt Nam tương thích với pháp luật các quốc gia về chủ thể ký kết TTTT.

b. Chủ thể xác lập thỏa thuận trọng tài có thẩm quyền theo quy định của pháp luật

Không chỉ pháp luật Việt Nam mà pháp luật quốc tế cũng đã quy định về thẩm quyền xác lập TTTT để làm căn cứ xác định tính hiệu lực của TTTT.

Hệ thống pháp luật Việt Nam về TTTM đã xây dựng những quy định về thẩm quyền xác lập tương đồng với quy định của Luật mẫu. Dựa vào quy định người xác lập TTTT vô hiệu để từ đó có thể rút ra được điều kiện để TTTT có hiệu lực về mặt thẩm quyền đó là: nếu người được ủy quyền tham gia xác lập TTTT thì ủy quyền đó phải là ủy quyền hợp pháp, đảm bảo phạm vi ủy quyền. Nếu là pháp nhân thì yêu cầu người tham gia xác lập TTTT là người đại diện hợp pháp.

Luật TTTM không quy định về ủy quyền hợp pháp và người đại diện theo pháp luật, vì vậy dẫn chiếu đến quy định của BLDS năm 2015 quy định như sau:

Như vậy, pháp luật Việt Nam đã quy định khá cụ thể và chi tiết về điều kiện năng lực chủ thể, giúp các bên chủ thể có thể dễ dàng nhận biết để áp dụng phù hợp. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đã đạt được thì điều kiện năng lực chủ thể của TTTT được quy định còn bất cập ở chỗ:

Luật TTTM dường như chỉ quy định đến TTTT giữa các bên đều là chủ thể trong nước, và hầu như có rất nhiều chủ thể tham gia TTTT mang yếu tố nước ngoài.

Quy định thẩm quyền của người xác lập TTTT phải tuân thủ quy định của pháp luật, nhưng không nói rõ cụ thể được quy định ở pháp luật nào.

Quy định người xác lập TTTT phải có năng lực hành vi dân sự thì sẽ áp dụng quy định của BLDS. Nếu như tranh chấp giữa các bên không có yếu tố nước ngoài, thì đó hiển nhiên sẽ là pháp luật Việt Nam, xét đến yếu tố năng lực chủ thể sẽ dễ dàng nhưng nếu TTTT có liên quan đến yếu tố nước ngoài thì việc xác định năng lực chủ thể sẽ khác, sẽ làm phát sinh vấn đề xung đột pháp luật chứ không được quy định cụ thể trong Luật TTTM Việt Nam và yêu cầu chủ thể nước ngoài phải tuân theo. Và khi giải quyết tranh chấp, đứng trước vấn đề về năng lực chủ thể của TTTT, hầu như các trọng tài sẽ linh hoạt dựa vào luật của nước mà các bên có quốc tịch hoặc trụ sở, chứ không dựa vào luật TTTM và BLDS.

2.1.3. Hình thức của thỏa thuận trọng tài

TTTT của Việt Nam có nét tương đồng về mặt hình thức với pháp luật về trọng tài của một số quốc gia. Theo pháp luật TTTM Việt Nam, hình thức TTTT bắt buộc phải xác lập dưới dạng văn bản hoặc các hình thức pháp lý khác được xem là văn bản. Có thể thấy Luật TTTM đã liệt kê cụ thể những trường hợp bảo đảm về mặt hình thức của TTTT.

Như vậy, TTTT thương mại không thể tồn tại dưới hình thức lời nói hoặc hành vi mà phải được xác lập dưới hình thức văn bản. Nếu không được xác lập bằng văn bản hoặc các hình thức pháp lý khác tương đương bằng văn bản thì TTTT sẽ bị vô hiệu về mặt hình thức.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đã đạt được, so với pháp luật một số nước về điều kiện hình thức của TTTT thì quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện hình thức bằng văn bản vẫn còn bị giới hạn. Bởi vì khi Luật TTTM liệt kê ra 6 trường hợp tại điều 18 Luật TTTM để TTTT đảm bảo về mặt hình thức thì vẫn xảy ra trường hợp các bên chủ thể tiến hành xác lập TTTT không thuộc một trong các trường hợp đó, mặc dù ý chí của các bên là đã muốn TTTT là cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nhưng đã bị vô hiệu về mặt hình thức TTTT.

Theo đó, nếu thỏa thuận trọng tài không thuộc 06 hình thức được quy định của Luật TTTM năm 2010 thì sẽ bị coi là vô hiệu. Chính vì vậy, hình thức của thỏa thuận trọng tài theo Luật TTTM Việt Nam còn hẹp chưa thoả đáng, chưa theo kịp với xu hướng vận động phát triển hiện nay, nhất là khi các tranh chấp thương mại ngày càng nhiều và xu hướng các bên chọn một cơ chế giải quyết tranh chấp phát sinh ngoài Toà án như Trọng tài là phổ biến.

2.1.4. Các bên tự nguyện xác lập thỏa thuận trọng tài

Thông nhất ý chí để xác lập TTTT là điều kiện quan trọng để thỏa thuận trọng tài có hiệu lực, các bên phải tự nguyện xác lập TTTT. Theo đó, TTTT

đạt được giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép. Khi xem xét đến hiệu lực của thỏa thuận cần xem xét đến yếu tố tự nguyện xác lập của các bên, cần kiểm tra liệu ý chí hai bên có bị ràng buộc bởi bên nào không hay vì sự lừa dối, đe dọa, cưỡng ép sẽ khiến cho sự thỏa thuận của các bên trong xác lập TTTT không còn chính xác nữa nên đây là những nguyên nhân khiến cho TTTT vô hiệu. Tự nguyện thỏa thuận thể hiện sự đồng nhất ý chí của các bên, quyết định đến sự hình thành của TTTT, do đó nếu ý chí được thống nhất mà không dựa trên yếu tố tự nguyện thì sẽ không có sự tồn tại của TTTT. Pháp luật Việt Nam đã xây dựng các quy định khá cụ thể về tính tự nguyện khi xác lập TTTT, tuy nhiên còn thiếu yếu tố nhằm lẫn khi TTTT, bởi các chủ thể có thể lợi dụng sơ hở của quy định này để gây nhầm lẫn cho các bên khi tiến hành xác lập TTTT.

2.1.5. Nội dung của thỏa thuận Trọng tài không vi phạm điều cấm của pháp luật

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, các hoạt động nào vi phạm các điều cấm của pháp luật đều không được công nhận. Quy định về TTTT không vi phạm điều cấm của pháp luật đây là một quy định mới về các điều kiện có hiệu lực của TTTT so với PLTTTM. Khi tiến hành xác lập TTTT không được vi phạm điều cấm của pháp luật, nếu xảy ra TTTT vi phạm điều cấm của pháp luật, thì TTTT này sẽ là căn cứ để tuyên bị vô hiệu.

Liên quan đến một điều kiện tương tự như điều kiện TTTT này, quy định của Luật TTTM còn mâu thuẫn, Luật TTTM đã quy định tại Điều 4 Luật TTTM: *“Trọng tài viên phải tôn trọng thỏa thuận của các bên nếu thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm và trái đạo đức xã hội”*. Tuy nhiên, trong các điều kiện có hiệu lực của TTTT chỉ đưa ra TTTT không được vi phạm các điều cấm của pháp luật, không quy định trái đạo đức xã hội. Như vậy, khi các bên TTTT trái đạo đức xã hội thì liệu có dẫn đến hậu quả pháp lý có thể bị vô hiệu hay không? Như vậy, trong nội hàm của Luật TTTM đã tồn tại quy định không thống nhất này.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài ở Việt Nam hiện nay

Trọng tài là một trong những phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế được ưa chuộng tại Việt Nam hiện nay. Chỉ riêng thống kê số lượng vụ tranh chấp mới được thụ lý và giải quyết tại Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) trong năm 2018 ghi nhận 180 vụ tranh chấp - con số cao nhất

trong 25 năm hoạt động với tổng giá trị tranh chấp ở mức ~9,5 nghìn tỷ đồng (~407 triệu USD) và vụ tranh chấp lớn nhất với giá trị tranh chấp ở mức ~3,3 nghìn tỷ đồng (~145,2 triệu USD). Trong số 180 vụ tranh chấp tại VIAC đó có 51% các tranh chấp thương mại quốc tế và 49% là các tranh chấp trong nước.

Năm 2020, tổng số có 221 vụ tranh chấp được giải quyết tại VIAC, (trong đó 79.2% các tranh chấp trong nước và 20.8% các tranh chấp thương mại quốc tế). Các vụ tranh chấp có TTTT giải quyết có nhiều vụ việc liên quan đến hiệu lực của TTTT. Một trong những lý do các bên tranh chấp đưa ra để phản đối thẩm quyền của Trọng tài chính là TTTT không có hiệu lực là về chủ thể giao kết TTTT không có thẩm quyền; Hợp đồng vô hiệu theo đó TTTT cũng vô hiệu; TTTT vi phạm điều kiện hình thức;...

Thứ nhất, tranh chấp về thẩm quyền của trọng tài

Thứ hai, tranh chấp về chủ thể ký kết TTTT

Thứ ba, thẩm quyền ký kết thỏa thuận trọng tài

Thứ tư, tính độc lập của thỏa thuận trọng tài

Thứ năm, hình thức của thỏa thuận trọng tài

2.3. Đánh giá thực trạng và thực tiễn thực hiện pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài

2.3.1. Ưu điểm

Việc giải quyết tranh chấp thương mại thông qua con đường trọng tài tại Việt Nam ngày càng trở nên phổ biến, bắt đầu bắt nhịp với thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp Việt Nam cũng được tạo những điều kiện thuận lợi khi lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại.

Thứ nhất, nền kinh tế Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu với kinh tế quốc tế và tham gia nhiều các sân chơi chung về kinh doanh, thương mại trên thế giới.

Thứ hai, hành lang pháp lý về thỏa thuận trọng tài thương mại nói chung và hiệu lực của thỏa thuận trọng tài thương mại nói riêng đang dần hoàn thiện và tạo cơ sở pháp lý thuận lợi, hạn chế rủi ro về thỏa thuận trọng tài vô hiệu cho các doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.

Thứ ba, các Trung tâm Trọng tài này ngày càng được mở rộng hơn về số lượng và chất lượng trọng tài viên.

Thứ tư, nguồn thông tin về những quy định, những văn bản luật cũng như những vụ việc, bản án liên quan đến trọng tài thương mại, những tập quán trong

xét xử và giải quyết tranh chấp của các nước rất phong phú, là một nguồn tham khảo có giá trị cho các doanh nghiệp.

2.3.2. Hạn chế

Thứ nhất, Luật TTTM năm 2010 vẫn còn nhiều quy định chưa rõ ràng, chưa đồng bộ trong việc xây dựng các quy định về hiệu lực của TTTT.

Thứ hai, một số quy định để đảm bảo hiệu lực TTTT không còn phù hợp, gây khó khăn cho các bên khi TTTT, nhưng tới thời điểm hiện tại vẫn chưa có văn bản nào điều chỉnh.

Thứ ba, các doanh nghiệp Việt Nam còn thiếu kinh nghiệm trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài do thói quen lựa chọn tòa án khi cần giải quyết tranh chấp.

Thứ tư, trình độ giải quyết tranh chấp của các trọng tài viên không đồng đều.

Thứ năm, TTTT cũng được xem như một hợp đồng, được xây dựng dựa trên ý chí của các chủ thể và đảm bảo các quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong TTTT, khi TTTT bị vô hiệu thì chưa có một cơ chế nào để xử lý đối với những trường hợp vi phạm làm cho TTTT không còn hiệu lực, điều này làm cho các điều kiện của TTTT không được tuân thủ.

Kết luận chương 2

Hiệu lực của TTTT là yếu tố quan trọng đầu tiên khi xem xét đến nội dung của TTTT, vì vậy việc xây dựng một hệ thống pháp luật quy định cụ thể TTTT đảm bảo hiệu lực pháp lý là một quá trình lâu dài, là sự kết tinh của nhiều yếu tố lập pháp xây dựng nên. Qua từng thời kỳ, mỗi giai đoạn phát triển khác nhau của đất nước, các quy định về hiệu lực của TTTT cũng được phát triển, quy định cụ thể, đầy đủ và mở rộng hơn. Pháp luật Việt Nam về hiệu lực của TTTT đã có nhiều điểm tiến bộ, tương thích với pháp luật quốc tế và pháp luật của nhiều quốc gia có cơ chế giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài phát triển. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế, tồn tại làm ảnh hưởng đến việc đảm bảo hiệu lực của TTTT, việc xem xét, xác định thẩm quyền của trọng tài đến từ công tác ban hành những quy định pháp luật điều chỉnh hiệu lực TTTT tài còn hạn chế, chưa thực sự đầy đủ, trình độ chuyên môn của cơ quan tiến hành tổ tụng trọng tài cũng như nhận thức các quy định về hiệu lực TTTT của các bên còn hạn chế. Có thể thấy xác định hiệu lực của TTTT là vấn đề cũng tương đối phức tạp, khó khăn, xảy ra nhiều tranh chấp liên quan đến hiệu lực TTTT.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HIỆU LỰC CỦA THỎA THUẬN TRỌNG TÀI

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài

3.1.1. Quan điểm, chủ trương của Đảng và nhà nước

Trong xu hướng hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng, với chủ trương đổi mới toàn diện đất nước, xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, ngay từ Đại hội Đảng VI đã đề ra quan điểm đối ngoại mở rộng. Căn cứ Nghị quyết và các văn kiện Đại hội XIII, nhu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới, Đề án xác định mục tiêu công tác lập pháp của Quốc hội nhiệm kỳ này là “Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tạo lập khung khổ pháp lý để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025, gắn với 12 định hướng phát triển đất nước, 6 nhiệm vụ trọng tâm và 3 đột phá chiến lược được đề ra tại Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Với mục tiêu xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao mà Bộ Chính trị đã đặt ra thì việc hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong đó có quy định của pháp luật về TTTM nói chung, hiệu lực của TTTT nói riêng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của chiến lược cải cách tư pháp hiện nay.

3.1.2. Định hướng

Việc hoàn thiện pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài cần thực hiện dựa trên những cơ sở và tuân theo những định hướng dưới đây:

Thứ nhất, xây dựng các quy định của pháp luật điều chỉnh về Trọng tài thương mại nói chung, hiệu lực của TTTT nói riêng phải đảm bảo nguyên tắc toàn diện, đồng bộ giữa các văn bản pháp luật trong nước với các ĐUQT mà Việt Nam là thành viên.

Thứ hai, kế thừa những quy định tiến bộ, định hướng, hoàn thiện bổ sung cũng như tham khảo các quy định của pháp luật các nước trên thế giới để xây dựng

hệ thống pháp luật trong nước theo hướng hiện đại, phù hợp với đòi hỏi chung của thế giới và tình hình Việt Nam.

Thứ ba, việc hoàn thiện pháp luật về Trọng tài thương mại nói chung, hiệu lực của TTTT nói riêng phải đặt trong mối quan hệ gắn bó tổng thể với việc hoàn thiện chính sách pháp luật nói chung, trong đó trực tiếp là chính sách pháp luật về TTTM phù hợp với các quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường.

Thứ tư, việc hoàn thiện pháp luật về Trọng tài thương mại nói chung, hiệu lực của TTTT nói riêng cần được xây dựng theo quan điểm xuyên suốt là tự do ý chí, tự do thoả thuận.

Thứ năm, Pháp luật về Trọng tài thương mại nói chung, hiệu lực của TTTT bảo đảm tính minh bạch, công khai, thống nhất và khả thi của pháp luật điều chỉnh hiệu lực của thoả thuận trọng tài.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hiệu lực của thoả thuận trọng tài

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền của TTTM theo quy định tại Điều 2 Luật TTTM.

Thứ hai, cần phải sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3, 6 Điều 18 Luật TTTM theo hướng quy định rõ nội dung của điều cấm pháp luật, hoặc có một văn bản dưới luật để giải thích, hướng dẫn tránh trường hợp các bên xác lập TTTT bị vô do không hiểu rõ quy định thế nào là trường hợp không bị cấm theo pháp luật.

Thứ ba, cần bổ sung, mở rộng thêm các quy định về mặt hình thức TTTT, có thể tham khảo cách tiếp cận về mặt hình thức khi quy định thoả thuận được ghi lại bằng bất kỳ phương tiện nào nếu được chứng minh bằng văn bản thì cũng thoả mãn yêu cầu về mặt hình thức.

Thứ tư, cần bổ sung thêm TTTT đảm bảo không trái đạo đức xã hội. Điều này giúp trong nội hàm của Luật TTTM không bị mâu thuẫn mà tương thích với nhau, phù hợp với quy định nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài đó là: “Trọng tài viên phải tôn trọng thoả thuận của các bên nếu thoả thuận đó không bị vi phạm điều cấm và trái đạo đức xã hội” cũng như tương thích với quy định của BLDS

Thứ năm, có thể xây dựng các điều kiện có hiệu lực của TTTT thành một mục riêng nằm trong Luật TTTM. Thay vì khi xác định điều kiện phải suy luận ra các trường hợp TTTT vô hiệu thì có thể nhìn trực tiếp vào điều khoản có hiệu lực của TTTT.

Thứ sáu, cần có quy định pháp luật về xử lý vi phạm của bên làm cho TTTT bị vô hiệu, điều này sẽ giúp cho các bên khi muốn chọn trọng tài làm cơ quan giải quyết tranh chấp thì cần tìm hiểu kỹ các quy định của pháp luật cũng như nhìn vào cơ chế xử lý đó để tuân thủ các điều kiện đảm bảo hiệu lực của TTTT.

Thứ bảy, về tính độc lập của thỏa thuận trọng tài, có nghĩa thỏa thuận trọng tài hoàn toàn độc lập với hợp đồng nên luật áp dụng cho thỏa thuận trọng tài và luật áp dụng đối với hợp đồng khác nhau và độc lập với nhau.

Luật TTTM cần bổ sung về Luật áp dụng đối với TTTT và thời điểm có hiệu lực của TTTT để làm căn cứ rõ ràng khi xác định hiệu lực của TTTT tránh trường hợp TTTT vô hiệu và khó áp dụng đối với các TTTT có yếu tố nước ngoài.

Thứ tám, cần xây dựng cơ chế giám sát, theo dõi việc các trọng tài viên tuân thủ pháp luật, tuân thủ các quy tắc đạo đức của trọng tài viên trong quá trình thực hiện tố tụng trọng tài để giải quyết tranh chấp, đảm bảo việc xét xử công bằng, khách quan.

3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài

Thứ nhất, đối với doanh nghiệp

Để nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về hiệu lực của TTTT thì cần trang bị cho các doanh nghiệp, tổ chức hay các cá nhân những kiến thức về các quy định của để TTTT có hiệu lực, tìm hiểu các quy định pháp luật những quy định về điều kiện có hiệu lực của TTTT tránh vi phạm một trong các điều kiện làm cho TTTT bị vô hiệu.

Tăng cường đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho các chủ thể tham gia TTTT.

Thứ hai, đối với Trọng tài viên và Trung tâm trọng tài

Đối với các trọng tài viên: cần tham gia các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng đào tạo thêm kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ. Phát triển thêm các kỹ năng về ngoại ngữ để có thể giải quyết tốt các tranh chấp có yếu tố nước ngoài, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, tham gia vào các hoạt động hội thảo, nghiên cứu về hoạt động trọng tài cũng như các khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ do các cơ quan có thẩm quyền tổ chức.

Về trung tâm TTTM, các trung tâm trọng tài cần tăng cường hợp tác với các tổ chức trọng tài trong và ngoài nước nhằm tạo cơ hội cho các trọng tài viên

có cơ hội trao đổi kiến thức, kinh nghiệm thực tế, tạo mối quan hệ để có thể giải quyết hiệu quả những vụ việc có thể phát sinh trong tương lai. Bên cạnh đó các trung tâm trọng tài cần thường xuyên tổ chức việc tuyên truyền, giới thiệu về tổ chức và hoạt động của mình cho các doanh nghiệp...

Các trung tâm trọng tài cần tích cực phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác như cơ quan Tòa án, cơ quan thi hành nhằm đảm bảo phán quyết của mình được thi hành đúng quy định của pháp luật.

Thứ ba, đối với các cơ quan chức năng khác có thẩm quyền

Hoàn thiện một số quy định pháp luật về trọng tài, rà soát, ban hành những văn bản hướng dẫn Luật Trọng tài thương mại để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật về thỏa thuận trọng tài nói chung và thỏa thuận trọng tài vô hiệu nói riêng.

Thứ tư, một số lưu ý khi tham gia ký kết và soạn thảo TTTT

Kết luận chương 3

Luật TTTM đã có nhiều điểm tiên bộ, tương thích với pháp luật quốc tế. Tuy nhiên, như đã phân tích ở chương 2, Luật TTTM vẫn còn tiềm ẩn bất cập vì vậy mà việc hoàn thiện chính sách pháp luật về TTTM nói chung và TTTT nói riêng cần phù hợp với quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Theo đó, cần thực hiện các giải pháp đồng bộ và khả thi từ các giải pháp về mặt pháp luật đến các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật tùy theo từng đối tượng chủ thể khác nhau.

KẾT LUẬN

Đề trọng tài có thể tham gia giải quyết tranh chấp, điều kiện tiên quyết đầu tiên là phải có TTTT và TTTT này phải đảm bảo hiệu lực pháp lý. Hiệu lực của TTTT đóng vai trò vô cùng quan trọng, nó là cốt lõi chủ yếu trong việc giải quyết tranh chấp bằng con đường trọng tài. Không chỉ ở pháp luật Việt Nam, mà trong cả các văn kiện quốc tế toàn cầu hay hệ thống pháp luật của các nước trên thế giới đều quy định cụ thể TTTT là yếu tố quyết định đến thẩm quyền giải quyết của trọng tài, các quy định về điều kiện để TTTT phát sinh hiệu lực cũng được đặt lên hàng đầu. Hiệu lực của TTTT là yếu tố quan trọng đầu tiên khi xem xét đến nội dung của TTTT, vì vậy việc xây dựng một hệ thống pháp luật quy định cụ thể TTTT đảm bảo hiệu lực pháp lý là một quá trình lâu dài, là sự kết tinh của nhiều yếu tố lập pháp xây dựng nên.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO